

CHỈ SỐ CÔNG TƠ VÀ SỐ ĐIỆN SỬ DỤNG KTX K6**Tháng 6/2015**

STT	Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (1.786*10%)	Thành tiền	Ghi chú
1	101	0	2.360	2.360	0	1.965	0	
2	102	8	3.584	3.599	15	1.965	29.469	
3	103	8	3.495	3.638	143	1.965	280.938	
4	104	8	4.691	4.814	123	1.965	241.646	
5	105	8	6.080	6.284	204	1.965	400.778	
6	106	8	3.877	3.961	84	1.965	165.026	
7	107	PSHC	2.376	2.425		1.965	0	
8	108					1.965	0	
9	109	6	6.653	6.653	0	1.965	0	
10	110	8	4.160	4.163	3	1.965	5.894	
11	111	8	4.032	4.141	109	1.965	214.141	
12	112	7	4.527	4.757	230	1.965	451.858	
13	113	7	4.105	4.172	67	1.965	131.628	
14	114	6	4.506	4.603	97	1.965	190.566	
15	201	8	5.911	6.034	123	1.965	241.646	
16	202	2 Lào	6.173	6.225	52	1.965	102.159	
17	203	4 Lào	4.903	5.042	139	1.965	273.079	
18	204	8	4.531	4.630	99	1.965	194.495	
19	205	8	4.838	4.849	11	1.965	21.611	
20	206	7	7.783	7.925	142	1.965	278.973	
21	207	8	8.116	8.252	136	1.965	267.186	
22	208	1 CPC	3.897	3.898	1	1.965	1.965	
23	209	8	3.948	3.962	14	1.965	27.504	
24	210	4 CPC	7.964	8.113	149	1.965	292.725	
25	211	7	6.607	6.740	133	1.965	261.292	
26	212	2 CPC	5.611	5.747	136	1.965	267.186	
27	213	8	6.234	6.335	101	1.965	198.425	
28	214	8	4.617	4.627	10	1.965	19.646	
29	301	4 Lào	5.688	5.832	144	1.965	282.902	
30	302	7	4.273	4.388	115	1.965	225.929	
31	303	8	5.301	5.367	66	1.965	129.664	
32	304	7	4.447	4.569	122	1.965	239.681	
33	305	7	4.121	4.128	7	1.965	13.752	
34	306	8	4.378	4.430	52	1.965	102.159	
35	307	PSHC	1.065	1.081		1.965	0	
36	308					1.965	0	
37	309	8	4.588	4.726	138	1.965	271.115	
38	310	8	5.243	5.310	67	1.965	131.628	
39	311	8	5.714	5.882	168	1.965	330.053	

40	312	8		5.232	5.367	135	1.965	265.221	
41	313	8		4.815	4.913	98	1.965	192.531	
42	314	8		3.188	3.259	71	1.965	139.487	
43	401	0		3.702	3.802	100	1.965	196.460	
44	402	8		3.623	3.750	127	1.965	249.504	
45	403	8		5.350	5.568	218	1.965	428.283	
46	404	8		2.710	2.803	93	1.965	182.708	
47	405	8		4.329	4.330	1	1.965	1.965	
48	406	8		4.091	4.281	190	1.965	373.274	
49	407	8		4.887	4.930	43	1.965	84.478	
50	408	6		4.551	4.722	171	1.965	335.947	
51	409	3	Lào	7.241	7.348	107	1.965	210.212	
52	410	8		3.445	3.567	122	1.965	239.681	
53	411	8		5.033	5.164	131	1.965	257.363	
54	412	8		7.053	7.206	153	1.965	300.584	
55	413	8		3.273	3.381	108	1.965	212.177	
56	414	6		5.076	5.178	102	1.965	200.389	
57	501	8		3.208	3.218	10	1.965	19.646	
58	502	8		2.353	2.354	1	1.965	1.965	
59	503	8		2.436	2.538	102	1.965	200.389	
60	504	8		3.641	3.696	55	1.965	108.053	
61	505	6		2.564	2.570	6	1.965	11.788	
62	506	8		2.178	2.187	9	1.965	17.681	
63	507	8		2.870	3.021	151	1.965	296.655	
64	508	8		3.896	3.909	13	1.965	25.540	
65	509	3		2.576	2.576	0	1.965	0	
66	510	5		1.810	1.819	9	1.965	17.681	
67	511	8		2.901	3.034	133	1.965	261.292	
68	512	8		2.347	2.424	77	1.965	151.274	
69	513	7		4.786	4.931	145	1.965	284.867	
70	514	6		2.808	2.899	91	1.965	178.779	
	Cộng	448				5.972		11.732.591	

(Bảng chữ: Mười một triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn năm trăm chín mươi một đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV TT DV TỔNG HỘI
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KTX NGƯỜI ĐỌC SỐ NGƯỜI LẬP




ThS Ngô Xuân Hoà ThS. Lê Xuân Hưng Trần Xuân Nam Đào Việt Hòa Trần Thị Hà